

Số: /QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính
cắt giảm 30% thời gian giải quyết so với quy định hiện hành
thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền
trên địa bàn tỉnh Hòa Bình**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 14/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2021 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 6455/TTr-VPUBND ngày 09/8/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này danh mục 872 thủ tục hành chính cắt giảm 30% thời gian giải quyết so với quy định hiện hành thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, bao gồm: 697 thủ tục cấp tỉnh; 133 thủ tục cấp huyện; 42 thủ tục cấp xã.

(Có Phụ lục Danh mục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn căn cứ danh mục thủ tục hành chính được phê duyệt tại Quyết định này tổ chức triển khai thực hiện, đồng thời niêm yết, công khai tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã và Trang Thông tin điện tử của ngành, địa phương theo quy định.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định này, điều chỉnh thời gian giải quyết thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính theo quy định.

3. Các Sở, Ban, Ngành chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và cơ quan liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính phê duyệt tại Quyết định này để điều chỉnh quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh theo quy định. Thời gian trước ngày 25/8/2021.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- TT.HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT (Ng.05b)

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Khánh

Phụ lục 1
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CÁC
SỞ, BAN, NGÀNH CẮT GIẢM 30% THỜI GIAN GIẢI QUYẾT SO VỚI QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÒA BÌNH

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình).

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết TTHC (ngày làm việc)		Ghi chú
		Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 30%	
	TỔNG SỐ: 697 TTHC			
I	SỞ CÔNG THƯƠNG: 44 TTHC			
a)	Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng			
1	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	15	10	
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	15	10	
3	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	15	10	
4	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	15	10	
b)	Lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp			
5	Cấp Giấy chứng nhận Huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	20	14	
6	Cấp Giấy chứng nhận Huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ	18	13	
c)	Lĩnh vực Hóa chất			
7	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	12	8	
8	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa	12	8	

	chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp			
9	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	12	8	
10	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	12	8	
d)	Lĩnh vực Điện			
11	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương	15	10	
12	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương	15	10	
13	Cấp giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương	15	10	
đ)	Lĩnh vực Thương mại quốc tế			
14	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn	28	20	
15	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí	28	20	
16	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP	28	20	
17	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	28	20	
18	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa	10	7	

19	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP	20	14	
20	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	20	14	
e)	Lĩnh vực Dầu khí			
21	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu có dung tích kho từ trên 210m ³ đến dưới 5.000m ³	50	35	
22	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG có dung tích kho dưới 5.000m ³	50	35	
23	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG có dung tích kho dưới 5.000m ³	50	35	
f)	Lĩnh vực Quản lý cạnh tranh			
24	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	10	7	
25	Đăng ký Hợp đồng theo mẫu và điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	20	14	
g)	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước			
26	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	20	14	
27	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	20	14	
28	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	20	14	
29	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	20	14	

	Thương			
30	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	20	14	
31	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	20	14	
32	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	15	10	
33	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	15	10	
34	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	15	10	
35	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	15	10	
h)	Lĩnh vực Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)			
36	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	15	10	
37	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	15	10	
38	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	15	10	
39	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	15	10	
k)	Lĩnh vực Khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG)			
40	Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	15	10	
41	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	15	10	
l)	Lĩnh vực Khí thiên nhiên nén (CNG)			
42	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	15	10	
43	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải CNG	15	10	
m)	Lĩnh vực Công nghiệp hỗ trợ			

44	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa	30	21	
II	SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ: 18 TTHC			
a)	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ			
1	Thủ tục xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ đối với cá nhân có thành tích vượt trội trong hoạt động khoa học và công nghệ	- 60 ngày kể từ ngày nhận được kết quả của Hội đồng kiểm tra, sát hạch đối với xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu viên cao cấp, kỹ sư cao cấp (hạng I). - 45 ngày kể từ ngày nhận được kết quả của Hội đồng kiểm tra, sát hạch đối với xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu viên chính, kỹ sư chính (hạng II). - 30 ngày kể từ ngày nhận được kết quả của Hội đồng kiểm tra, sát hạch đối với xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh trợ lý nghiên cứu, kỹ thuật viên (hạng IV), nghiên cứu viên, kỹ sư (hạng III)	- 42 ngày kể từ ngày nhận được kết quả của Hội đồng kiểm tra, sát hạch đối với xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu viên cao cấp, kỹ sư cao cấp (hạng I). - 31.5 ngày kể từ ngày nhận được kết quả của Hội đồng kiểm tra, sát hạch đối với xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu viên chính, kỹ sư chính (hạng II). - 21 ngày kể từ ngày nhận được kết quả của Hội đồng kiểm tra, sát hạch đối với xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh trợ lý nghiên cứu, kỹ thuật viên (hạng IV), nghiên cứu viên, kỹ sư (hạng III)	

2	Thủ tục xét đặc cách bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác	- 60 ngày kể từ ngày nhận được kết quả của Hội đồng xét bổ nhiệm đặc cách đối với việc xét đặc cách bổ nhiệm chức danh nghiên cứu viên cao cấp, kỹ sư cao cấp (chức danh hạng I). - 45 ngày kể từ ngày nhận được kết quả của Hội đồng xét bổ nhiệm đặc cách đối với việc xét đặc cách bổ nhiệm chức danh nghiên cứu viên chính, kỹ sư chính (chức danh hạng II). - 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả của Hội đồng xét bổ nhiệm đặc cách đối với việc xét đặc cách bổ nhiệm chức danh nghiên cứu viên, kỹ sư (chức danh hạng III)	- 42 ngày kể từ ngày nhận được kết quả của Hội đồng xét bổ nhiệm đặc cách đối với việc xét đặc cách bổ nhiệm chức danh nghiên cứu viên cao cấp, kỹ sư cao cấp (chức danh hạng I). - 31.5 ngày kể từ ngày nhận được kết quả của Hội đồng xét bổ nhiệm đặc cách đối với việc xét đặc cách bổ nhiệm chức danh nghiên cứu viên chính, kỹ sư chính (chức danh hạng II). - 10.5 ngày kể từ ngày nhận được kết quả của Hội đồng xét bổ nhiệm đặc cách đối với việc xét đặc cách bổ nhiệm chức danh nghiên cứu viên, kỹ sư (chức danh hạng III)	
b)	Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ, sáng kiến			
3	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp	30 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ	21 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ	
4	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu CN	15 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ	11.5 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ	
5	Thủ tục tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án thuộc Chương trình phát triển TSTT giai đoạn 2016-2020	- Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành	- Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành	

	(đối với dự án địa phương quản lý)	lập tổ chức họp hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì thực hiện dự án: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày lập Biên bản mở hồ sơ; - Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập và tổ chức họp Tổ thẩm định dự toán kinh phí dự án: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã được hiệu chỉnh; - Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án địa phương quản lý: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã được hoàn thiện theo kết luận của Tổ thẩm định; - Công bố kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp dự án: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân	lập tổ chức họp hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì thực hiện dự án: Trong thời hạn 10.5 ngày làm việc kể từ ngày lập Biên bản mở hồ sơ; - Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập và tổ chức họp Tổ thẩm định dự toán kinh phí dự án: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã được hiệu chỉnh; - Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án địa phương quản lý: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã được hoàn thiện theo kết luận của Tổ thẩm định; - Công bố kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp dự án: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân	
--	------------------------------------	--	--	--

		dân cấp tỉnh phê duyệt.	dân cấp tỉnh phê duyệt.	
6	Thủ tục đề nghị thay đổi, điều chỉnh trong quá trình thực hiện DA thuộc Chương trình phát triển TSTT giai đoạn 2016-2020 (đối với DA địa phương quản lý)	- Thay đổi thời gian thực hiện dự án: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức chủ trì dự án; - Các thay đổi, điều chỉnh khác: Trong thời hạn 30 ngày.	- Thay đổi thời gian thực hiện dự án: Trong thời hạn 10.5 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức chủ trì dự án; - Các thay đổi, điều chỉnh khác: Trong thời hạn 21 ngày.	
7	Thủ tục đề nghị chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện DA thuộc Chương trình phát triển TSTT giai đoạn 2016-2020 (đối với DA địa phương quản lý)	- Thông báo tạm dừng thực hiện nhiệm vụ: trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đề nghị chấm dứt hợp đồng hợp lệ.	- Thông báo tạm dừng thực hiện nhiệm vụ: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đề nghị chấm dứt hợp đồng hợp lệ.	
8	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu và công nhận kết quả thực hiện DA thuộc Chương trình PTTSTT giai đoạn 2016-2020 (đối với DA địa phương quản lý)	- Thông báo cho tổ chức chủ trì tính hợp lệ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ; - Tổ chức chủ trì dự án bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Khoa học và Công nghệ; - Thành lập hội đồng: Trong thời hạn 15 ngày	- Thông báo cho tổ chức chủ trì tính hợp lệ của hồ sơ: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ; - Tổ chức chủ trì dự án bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Khoa học và Công nghệ; - Thành lập hội đồng: Trong thời hạn 11.5 ngày	

		làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án hợp lệ; - Tổ chức họp hội đồng: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có Quyết định thành lập hội đồng; - Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành quyết định công nhận kết quả thực hiện dự án: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ các tài liệu công nhận kết quả thực hiện dự án	làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án hợp lệ; - Tổ chức họp hội đồng: Trong thời hạn 21 ngày kể từ ngày có Quyết định thành lập hội đồng; - Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành quyết định công nhận kết quả thực hiện dự án: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ các tài liệu công nhận kết quả thực hiện dự án	
c)	Lĩnh vực Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân			
9	Thủ tục cấp mới và cấp lại chứng chỉ nhân viên bức xạ (người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	
10	Thủ tục phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ hạt nhân cấp cơ sở (đối với công việc sử dụng thiết bị X-quang y tế)	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	
11	Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	
d)	Lĩnh vực quản lý công nghệ và Thị trường công nghệ			
12	Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến	25 ngày làm việc - Gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu	17,5 ngày làm việc - Gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu	

		sửa đổi, bổ sung (nếu có): 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; - Cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc đánh giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá: 15 ngày làm việc; - Phê duyệt sáng chế, sáng kiến để xem xét mua: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đánh giá hồ sơ của hội đồng.	sửa đổi, bổ sung (nếu có): 2 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; - Cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc đánh giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá: 11 ngày làm việc; - Phê duyệt sáng chế, sáng kiến để xem xét mua: 4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đánh giá hồ sơ của hội đồng.	
đ)	Lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng			
13	Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký: Cơ quan chỉ định thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. - Trong thời hạn 20 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, chuyên gia hoặc đoàn đánh giá phải hoàn thành việc đánh giá năng lực thực tế tại tổ chức đánh giá sự phù hợp và ký biên bản đánh giá thực tế. - Trong thời hạn 05 ngày	- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký: Cơ quan chỉ định thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. - Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, chuyên gia hoặc đoàn đánh giá phải hoàn thành việc đánh giá năng lực thực tế tại tổ chức đánh giá sự phù hợp và ký biên bản đánh giá thực tế - Trong thời hạn 03 ngày	

		làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả hành động khắc phục theo biên bản đánh giá thực tế, nếu tổ chức đánh giá sự phù hợp đáp ứng yêu cầu theo quy định, cơ quan chỉ định ban hành quyết định chỉ định cho tổ chức đánh giá sự phù hợp.	làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả hành động khắc phục theo biên bản đánh giá thực tế, nếu tổ chức đánh giá sự phù hợp đáp ứng yêu cầu theo quy định, cơ quan chỉ định ban hành quyết định chỉ định cho tổ chức đánh giá sự phù hợp.	
14	Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký: Cơ quan chỉ định thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. - Trong thời hạn 20 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký đầy đủ,: Cơ quan chỉ định đánh giá năng lực thực tế tại tổ chức đánh giá sự phù hợp và ký biên bản đánh giá thực tế. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả hành động khắc phục theo biên bản đánh giá thực tế, nếu tổ chức đánh	- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký: Cơ quan chỉ định thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. - Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký đầy đủ và hợp lệ,: Cơ quan chỉ định đánh giá năng lực thực tế tại tổ chức đánh giá sự phù hợp và ký biên bản đánh giá thực tế. - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả hành động khắc phục theo biên bản đánh giá	

		giá sự phù hợp đáp ứng yêu cầu theo quy định, cơ quan chỉ định ban hành quyết định chỉ định cho tổ chức đánh giá sự phù hợp.	thực tế, nếu tổ chức đánh giá sự phù hợp đáp ứng yêu cầu theo quy định, cơ quan chỉ định ban hành quyết định chỉ định cho tổ chức đánh giá sự phù hợp.	
15	Thủ tục cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	Trong thời hạn 05 ngày làm việc	Trong thời hạn 03 ngày làm việc	
e)	Lĩnh vực Thông tin KHCN			
16	Thủ tục Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh	05 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
17	Thủ tục Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	15 ngày làm việc	10,5 ngày làm việc	
18	Thủ tục Đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh	05 ngày làm việc	3,5 ngày làm	
III	SỞ TÀI CHÍNH: 31 TTHC			
I	Lĩnh vực Tin học - Thống kê			
1	Thủ tục đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách	3	2	Cấp tỉnh
II	Lĩnh vực Quản lý Giá và Công sản			
2	Đăng ký giá của các doanh nghiệp thuộc phạm vi cấp tỉnh	10	7	Cấp tỉnh
3	Kê khai giá của các doanh nghiệp thuộc phạm vi cấp tỉnh	10	7	Cấp tỉnh
4	Quyết định giá thuộc thẩm quyền cấp tỉnh	15	10,5	Cấp tỉnh
5	Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư	30	21	Cấp tỉnh

6	Quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị	30	21	Cấp tỉnh
7	Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công	30	21	Cấp tỉnh
8	Quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư	37	26	Cấp tỉnh
9	Quyết định thu hồi tài sản công trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nước	30	21	Cấp tỉnh
10	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp thu hồi tài sản công theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e Khoản 1, Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công	60	42	Cấp tỉnh
11	Quyết định điều chuyển tài sản công	30	21	Cấp tỉnh
12	Quyết định bán tài sản công	30	21	Cấp tỉnh
13	Quyết định bán tài sản công cho người duy nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ	7	4,9	Cấp tỉnh
14	Quyết định hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản công	7	5	Cấp tỉnh
15	Quyết định thanh lý tài sản công	30	21	Cấp tỉnh
16	Quyết định tiêu hủy tài sản công	30	21	Cấp tỉnh
17	Quyết định xử lý tài sản công trường hợp bị mất, bị hủy hoại	30	21	Cấp tỉnh
18	Thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công	30	21	Cấp tỉnh
19	Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê	30	21	Cấp tỉnh
20	Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích liên doanh, liên kết	30	21	Cấp tỉnh
21	Quyết định xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án khi dự án kết thúc	30	21	Cấp tỉnh

22	Quyết định xử lý tài sản hư hỏng, không sử dụng được hoặc không còn nhu cầu sử dụng trong quá trình thực hiện dự án	30	21	Cấp tỉnh
23	Mua quyền hóa đơn	5	3,5	Cấp tỉnh
24	Mua hóa đơn lẻ	5	3,5	Cấp tỉnh
25	Đăng ký tham gia và thay đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký trên hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản	2	1,4	Cấp tỉnh
26	Đăng ký tham gia và thay đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký trên hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công của tổ chức, cá nhân tham gia mua, thuê tài sản, nhận chuyển nhượng, thuê quyền khai thác tài sản công	2	1,4	Cấp tỉnh
27	Hoàn trả hoặc khấu trừ tiền sử dụng đất đã nộp hoặc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã trả vào nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội	30	21	Cấp tỉnh
28	Thanh toán chi phí có liên quan đến việc bán tài sản trên đất, chuyển quyền sử dụng đất	45	31,5	Cấp tỉnh
29	Thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho nhà nước	14	9,8	Cấp tỉnh
30	Thủ tục chi thưởng đối với tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản chôn, dấu bị vùi lấp, chìm đắm, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên	30	21	Cấp tỉnh
31	Thủ tục thanh toán phần giá trị của tài sản cho tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy tài sản chôn, dấu bị vùi lấp, chìm đắm, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên nhưng không xác định được chủ sở hữu	30	21	Cấp tỉnh
IV	SỔ GIAO THÔNG VẬN TẢI: 21 TTHC			
1	Cấp Giấy phép lái xe quốc tế	05 ngày	03 ngày	Cấp tỉnh
2	Cấp lại Giấy phép lái xe quốc tế	05 ngày	03 ngày	Cấp tỉnh

3	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	05 ngày	03 ngày	Cấp tỉnh
4	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa	05 ngày	03 ngày	Cấp tỉnh
5	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia	03 ngày	02 ngày	Cấp tỉnh
6	Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam	03 ngày	02 ngày	Cấp tỉnh
7	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác	05 ngày	03 ngày	Cấp tỉnh
8	Công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác	05 ngày	03 ngày	Cấp tỉnh
9	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng	03 ngày	02 ngày	Cấp tỉnh
10	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	03 ngày	02 ngày	Cấp tỉnh
11	Cấp Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng	05 ngày	03 ngày	Cấp tỉnh
12	Đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng	03 ngày	02 ngày	Cấp tỉnh
13	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	10 ngày	07 ngày	Cấp tỉnh
14	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	+ 05 ngày đối với trường hợp cấp lại khi Giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng + 07 ngày đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận khi thay đổi địa chỉ hoặc loại cơ sở đào tạo	+ 03 ngày đối với trường hợp cấp lại khi Giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng + 04 ngày đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận khi thay đổi địa chỉ hoặc loại cơ sở đào tạo	Cấp tỉnh

15	Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	05 ngày	03 ngày	Cấp tỉnh
16	Dự học, thi, kiểm tra để được cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	03 ngày	02 ngày	Cấp tỉnh
17	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	15 ngày	10 ngày	Cấp tỉnh
18	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa chuyên dùng khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng	20 ngày	14 ngày	Cấp tỉnh
19	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với quốc lộ đang khai thác	07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	4,5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Cấp tỉnh
20	Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác	trong 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn đề nghị gia hạn	3,5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Cấp tỉnh
21	Chấp thuận tiếp tục sử dụng đối với công trình đường thủy nội địa hết tuổi thọ thiết kế.	30 ngày	21 ngày	Cấp tỉnh
V	SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG 30 TTHC			
a)	Lĩnh vực Phát thanh – Truyền hình và thông tin điện tử			
1	Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.	10 ngày	07 ngày	Cấp tỉnh
2	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.	10 ngày	07 ngày	Cấp tỉnh
3	Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.	10 ngày	07 ngày	Cấp tỉnh
4	Cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.	10 ngày	07 ngày	Cấp tỉnh
5	Thông báo thay đổi chủ sở hữu; địa chỉ trụ sở chính của tổ chức, doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.	07 ngày	05 ngày	Cấp tỉnh
6	Thông báo thay đổi địa chỉ trụ sở chính, văn phòng giao dịch, địa chỉ đặt hoặc cho thuê máy chủ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng.	07 ngày	05 ngày	Cấp tỉnh

7	Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp trò chơi điện tử G1 trên mạng do chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên.	07 ngày	05 ngày	Cấp tỉnh
8	Thông báo thay đổi phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng đã được phê duyệt.	07 ngày	05 ngày	Cấp tỉnh
9	Thông báo thay đổi tên miền khi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên trang thông tin điện tử (trên Internet), kênh phân phối trò chơi (trên mạng viễn thông di động); thể loại trò chơi (G2, G3, G4); thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.	07 ngày	05 ngày	Cấp tỉnh
10	Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên.	07 ngày	05 ngày	Cấp tỉnh
b)	Lĩnh vực Bưu chính			
11	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (cấp tỉnh)	07 ngày	05 ngày	Cấp tỉnh
12	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (cấp tỉnh)	10 ngày	07 ngày	Cấp tỉnh
13	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn (cấp tỉnh)	10 ngày	07 ngày	Cấp tỉnh
14	Cấp giấy phép bưu chính (cấp tỉnh)	30 ngày	21 ngày	Cấp tỉnh
15	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính (cấp tỉnh)	10 ngày	07 ngày	Cấp tỉnh
c)	Lĩnh vực Báo chí			
16	Trung bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên	10 ngày	07 ngày	Cấp tỉnh

	ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài			
17	Cấp Giấy phép xuất bản bản tin (Địa phương)	20 ngày	14 ngày	Cấp tỉnh
18	Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin (trong nước);	15 ngày	10,5 ngày	Cấp tỉnh
d)	Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành			
19	Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	15 ngày	10,5 ngày	Cấp tỉnh
20	Cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm	10 ngày	07 ngày	Cấp tỉnh
21	Cấp giấy phép hoạt động in (<i>Sản phẩm không phải xuất bản phẩm</i>)	15 ngày	10,5 ngày	Cấp tỉnh
22	Cấp lại giấy phép hoạt động in (<i>Sản phẩm không phải xuất bản phẩm</i>)	07 ngày	05 ngày	Cấp tỉnh
23	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài	10 ngày	07 ngày	Cấp tỉnh
24	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh	15 ngày	10,5 ngày	Cấp tỉnh
25	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	15 ngày	10,5 ngày	Cấp tỉnh
26	Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	07 ngày	05 ngày	Cấp tỉnh
27	Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	05 ngày	3,5 ngày	Cấp tỉnh
28	Cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	07 ngày	05 ngày	Cấp tỉnh
29	Đăng ký sử dụng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu	05 ngày	3,5 ngày	Cấp tỉnh
30	Chuyển nhượng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu	05 ngày	3,5 ngày	Cấp tỉnh
VI	BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP: 35 TTHC			
a)	Lĩnh vực Đầu tư (21 TTHC)			
1	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý quy định tại khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP	28 ngày	19 ngày	
2	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	15 ngày	10 ngày	

3	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	35 ngày	24 ngày	
4	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý	28 ngày	19 ngày	
5	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư	03 ngày hoặc 10 (ngày tùy từng trường hợp)	02 ngày hoặc 07 (ngày tùy từng trường hợp)	
6	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư	35 ngày	24 ngày	
7	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm	35 ngày	24 ngày	
8	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư	35 ngày	24 ngày	
9	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế	35 ngày	24 ngày	
10	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp	35 ngày	24 ngày	
11	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh	35 ngày	24 ngày	
12	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	12 ngày	08 ngày	
13	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc dự án đã được chấp thuận chủ	05 ngày	03 ngày	

	trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)			
14	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư	21 ngày	14 ngày	
15	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đầu tư	05 ngày	03 ngày	
16	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	15 ngày	10 ngày	
17	Thủ tục cấp lại hoặc hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	08 ngày	05 ngày	
18	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	03 ngày	02 ngày	
19	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài	15 ngày	10 ngày	
20	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	15 ngày	10 ngày	
21	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	22 ngày	15 ngày	
b)	Lĩnh vực xây dựng (08 TTHC)			
1	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	25 ngày đối với dự án nhóm B kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	17 ngày đối với dự án nhóm B	
		15 ngày đối với dự án nhóm C kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	10 ngày đối với dự án nhóm C	
2	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở	40 ngày đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt; Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	28 ngày đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt;	
		30 ngày đối với công trình cấp II và cấp III;	21 ngày đối với công trình cấp II và cấp III;	

		Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
		20 ngày đối với công trình còn lại kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	14 ngày đối với công trình còn lại	
3	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	20 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu	14 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu	
4	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	20 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu	14 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu	
5	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	20 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định	14 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định	
6	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	20 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định	14 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định	
7	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành	05 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định	03 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định	

	tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án).			
8	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án).	05 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định	03 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định	
c)	Lĩnh vực Môi trường (01 TTHC)			
1	Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường	10 ngày	07 ngày	
d)	Lĩnh vực Thương mại (05 TTHC)			
1	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	07 ngày	05 ngày	
2	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	05 ngày	03 ngày	
3	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	05 ngày	03 ngày	
4	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	05 ngày	03 ngày	
5	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	05 ngày	03 ngày	
VII	SỞ XÂY DỰNG: 61 TTHC			
a)	Lĩnh vực Giám định tư pháp			
1	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân tỉnh	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	14 ngày	Cấp tỉnh
2	Đăng ký công bố thông tin người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc đối với các cá nhân, tổ chức không thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Xây dựng, văn phòng giám định tư pháp xây dựng trên địa bàn được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép hoạt động	30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	21 ngày	Cấp tỉnh

3	Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức giám định tư pháp xây dựng đối với cá nhân, tổ chức do Ủy ban nhân dân tỉnh đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	7 ngày	Cấp tỉnh
b)	Lĩnh vực Quản lý chất lượng công trình xây dựng			
4	Thủ tục kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình (đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng kiểm tra nhà nước về công tác nghiệm thu công trình xây dựng và Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành)	20 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu.	14 ngày	Cấp tỉnh
5	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh	14 ngày kể từ ngày tiếp nhận báo cáo kết quả đánh giá an toàn công trình	10 ngày	Cấp tỉnh
6	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	14 ngày	10 ngày	Cấp tỉnh
c)	Lĩnh vực Hoạt động xây dựng			
7	Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	14 ngày	Cấp tỉnh
8	Cấp gia hạn chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	07 ngày	Cấp tỉnh
9	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	25 ngày đối với dự án nhóm B	18 ngày	Cấp tỉnh
		15 ngày đối với dự án nhóm C	12 ngày	
10	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở	40 ngày đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt;	28 ngày	Cấp tỉnh

		30 ngày đối với công trình cấp II và cấp III;	21 ngày	
11	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B, C	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	14 ngày	Cấp tỉnh
12	Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B, nhóm C	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	14 ngày	Cấp tỉnh
13	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, III	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	14 ngày	Cấp tỉnh
14	Cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	14 ngày	Cấp tỉnh
15	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng)	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	07 ngày	Cấp tỉnh
16	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do lỗi của cơ quan cấp)	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	07 ngày	Cấp tỉnh
17	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	14 ngày	Cấp tỉnh
18	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề của cá nhân người nước ngoài hạng II, hạng III	25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	17 ngày	Cấp tỉnh
19	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	14 ngày	Cấp tỉnh
20	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do mất, hư hỏng)	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	07 ngày	Cấp tỉnh
21	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do lỗi của cơ quan cấp)	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	07 ngày	Cấp tỉnh
22	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	14 ngày	Cấp tỉnh
23	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo	20 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.	14 ngày	Cấp tỉnh

	giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).			
24	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	20 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.	14 ngày	Cấp tỉnh
25	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	20 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.	14 ngày	Cấp tỉnh
26	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	20 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.	14 ngày	Cấp tỉnh
27	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	20 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.	14 ngày	Cấp tỉnh
28	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	05 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định	3,5 ngày	Cấp tỉnh
29	Thủ tục Cấp mới, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng đối với nhà ở riêng lẻ trên các tuyến, trục đường phố	- Cấp mới, điều chỉnh 15 ngày kể từ ngày nhận	10,5 ngày	Cấp tỉnh

	chính trong thành phố Hòa Bình (gồm: Đường Cù Chính Lan, An Dương Vương, Đinh Tiên Hoàng, Trần Hưng Đạo, Thịnh Lang, Trương Hán Siêu, Trần Quý Cáp, Hoàng Văn Thụ, Phùng Hưng và đường Chi Lăng	được đầy đủ hồ sơ theo quy định; - Cấp gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng là 05 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo	3,5 ngày	
d)	Lĩnh vực Kinh doanh bất động sản			
30	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do UBND cấp tỉnh, cấp huyện quyết định việc đầu tư	30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.	21 ngày	Cấp tỉnh
31	Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản	10 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.	07 ngày	Cấp tỉnh
32	Cấp lại (cấp đổi) chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng	10 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.	07 ngày	Cấp tỉnh
33	Cấp lại (cấp đổi) chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do hết hạn (hoặc gần hết hạn)	10 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.	07 ngày	Cấp tỉnh
e)	Lĩnh vực Nhà ở			
34	Thủ tục thông báo nhà ở hình thành trong tương lai	32 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.	22 ngày	Cấp tỉnh
35	Thủ tục giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP.	45 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định	31,5 ngày	Cấp tỉnh
36	Thủ tục giải quyết chuyển quyền sử dụng đất liền kề nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	45 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định	31,5 ngày	Cấp tỉnh
37	Thủ tục giải quyết chuyển quyền sử dụng đất đối với nhà ở xây dựng trên đất trồng trong khuôn viên nhà ở cũ thuộc sở	45 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo	31,5 ngày	Cấp tỉnh

	hữu nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP.	quy định.		
38	Thủ tục công nhận chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trong trường hợp có nhiều nhà đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại được chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư)	20 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.	14 ngày	Cấp tỉnh
39	Thẩm định giá bán, thuê mua, thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên phạm vi toàn tỉnh	30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.	20 ngày	Cấp tỉnh
40	Thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh	10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị thuê nhà ở công vụ, cơ quan, tổ chức	7 ngày	Cấp tỉnh
41	Gia hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam cho cá nhân, tổ chức nước ngoài	30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.	21 ngày	Cấp tỉnh
42	Cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước	- 30 ngày, kể từ ngày đơn vị quản lý vận hành nhà ở nhận đủ hồ sơ hợp lệ - 60 ngày đối với trường hợp phải xét duyệt, tổ chức chấm điểm	21 ngày kể từ ngày đơn vị quản lý vận hành nhà ở nhận đủ hồ sơ hợp lệ 42 ngày đối với trường hợp phải xét duyệt, tổ chức chấm điểm	Cấp tỉnh
43	Cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	30 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	21 ngày	Cấp tỉnh
44	Thủ tục công nhận hạng /công nhận lại hạng nhà chung cư	15 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhận đủ hồ sơ hợp lệ	10,5 ngày	Cấp tỉnh
45	Thủ tục công nhận điều chỉnh hạng nhà chung cư	15 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ	10,5 ngày	Cấp tỉnh

		nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
46	Bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	30 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	21 ngày	Cấp tỉnh
f)	Lĩnh vực Vật liệu xây dựng			
47	Tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	05 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	3,5 ngày	Cấp tỉnh
g)	Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng			
48	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	10,5 ngày	Cấp tỉnh
h)	Lĩnh vực Quy hoạch Kiến trúc			
49	Cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	10,5 ngày	Cấp tỉnh
50	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc (do chứng chỉ hành nghề bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi thông tin cá nhân được ghi trong chứng chỉ hành nghề kiến trúc).	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	10,5 ngày	Cấp tỉnh
51	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	07 ngày	Cấp tỉnh
52	Gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	07 ngày	Cấp tỉnh
53	Công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	07 ngày	Cấp tỉnh
54	Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	07 ngày	Cấp tỉnh

k)	Lĩnh vực Kiến trúc quy hoạch			
55	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	14 ngày	Cấp tỉnh
56	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	17 ngày	Cấp tỉnh
57	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị/Quy hoạch chung xây dựng khu chức năng đặc thù	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	14 ngày	Cấp tỉnh
58	Thẩm định đồ án quy hoạch chung đô thị/Quy hoạch chung xây dựng khu chức năng đặc thù	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	17 ngày	Cấp tỉnh
59	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch phân khu đô thị/ Quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng đặc thù	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	14 ngày	Cấp tỉnh
60	Thủ tục Thẩm định đồ án quy hoạch phân khu đô thị/ Quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng đặc thù.	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	17 ngày	Cấp tỉnh
61	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	10,5 ngày	Cấp tỉnh
VIII	SỞ Y TẾ: 17 TTHC			
1	Cấp giấy phép hoạt động đối với khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo với trạm xá, trạm y tế cấp xã	90 ngày	63 ngày	Cấp tỉnh
2	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh	90 ngày	63 ngày	Cấp tỉnh

3	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khoẻ tại nhà	90 ngày	63 ngày	Cấp tỉnh
4	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc	90 ngày	63 ngày	Cấp tỉnh
5	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ làm răng giả	90 ngày	63 ngày	Cấp tỉnh
6	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp	90 ngày	63 ngày	Cấp tỉnh
7	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm	90 ngày	63 ngày	Cấp tỉnh
8	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với nhà hộ sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	90 ngày	63 ngày	Cấp tỉnh
9	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng chẩn trị y học cổ truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	90 ngày	63 ngày	Cấp tỉnh
10	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng khám chẩn đoán hình ảnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	90 ngày	63 ngày	Cấp tỉnh
11	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	90 ngày	63 ngày	Cấp tỉnh
12	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	90 ngày	63 ngày	Cấp tỉnh
13	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng xét nghiệm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	90 ngày	63 ngày	Cấp tỉnh
14	Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được	30 ngày	21 ngày	Cấp tỉnh

15	Đăng ký lại thuốc gia công (thuốc thuộc danh mục thuốc sản xuất trong nước nộp hồ sơ đăng ký tại Sở Y tế địa phương quy định tại Phụ lục V – Thông tư 22/2009/TT-BYT).	90 ngày	63 ngày	Cấp tỉnh
16	Đăng ký thuốc gia công của thuốc chưa có số đăng ký lưu hành tại Việt Nam (thuốc thuộc danh mục thuốc sản xuất trong nước nộp hồ sơ đăng ký tại Sở Y tế địa phương quy định tại Phụ lục V – Thông tư 22/2009/TT-BYT)	90 ngày	63 ngày	Cấp tỉnh
17	Đăng ký thuốc gia công của thuốc đã có số đăng ký lưu hành tại Việt Nam (thuốc thuộc danh mục thuốc sản xuất trong nước nộp hồ sơ đăng ký tại Sở Y tế địa phương quy định tại Phụ lục V - Thông tư 22/2009/TT-BYT)	90 ngày	63 ngày	Cấp tỉnh
IX	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT: 90 TTHC			
a)	Lĩnh vực Bảo vệ thực vật (07)			
1	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón	05	03	
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	13 ngày (Trường hợp thay đổi địa điểm)	09	
		05 ngày (Trường hợp mất, hư hỏng, thay đổi thông tin)	03	
3	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	13	09	
4	Cấp Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật	03	02	
5	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc Bảo vệ thực vật	10	07	
6	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	21 ngày (không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ)	14	
		84 ngày (khi nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở có điều kiện	59	

		không đạt hoặc kết quả kiểm tra lại không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ		
7	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc Bảo vệ thực vật	21 ngày (không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ)	14	
		07 ngày (Không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đối với cơ sở được kiểm tra, đánh giá xếp loại A theo quy định của Bộ NN&PTNT	05	
		84 ngày (khi nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở có điều kiện không đạt hoặc kết quả kiểm tra lại không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ	59	
b)	Lĩnh vực Chăn nuôi (04)			

1	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: 05 ngày làm việc; - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính (hoặc) qua môi trường mạng: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: 03 ngày làm việc + Thẩm định và cấp lại GCN: 05 ngày	03	
2	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	* Đối với CSSX thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc: - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: 25 ngày làm việc; - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính (hoặc) qua môi trường mạng: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: 03 ngày làm việc + Thẩm định HS, thành lập đoàn đánh giá ĐK thực tế và cấp GCN: 25 ngày	17	
		* Đối với CSSX (sản xuất, sơ chế, chế biến)	17	

		TACN truyền thống nhằm mục đích TM, theo đặt hàng: - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: 10 ngày làm việc; - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính (hoặc) qua môi trường mạng: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: 03 ngày làm việc + Thẩm định và cấp GCN: 10 ngày	07	
3	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: 25 ngày làm việc; - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính (hoặc) qua môi trường mạng: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: 03 ngày làm việc + Thẩm định và cấp GCN: 25 ngày	17	
4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: 05 ngày làm việc; - Trường hợp nộp hồ sơ	3,5	

		qua dịch vụ búu chính (hoặc) qua môi trường mạng: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: 03 ngày làm việc + Thẩm định và cấp lại GCN: 05 ngày	3,5	
c)	Lĩnh vực Thú y (16)			
1	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống)	20 ngày làm việc	14	
2	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y)	03 ngày làm việc	02	
3	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	05 ngày làm việc	03	
4	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	15 ngày làm việc	10	
5	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	- 07 ngày làm việc (trường hợp đã được đánh giá định kỳ ...)	05;	
		- 17 ngày (trường hợp chưa được đánh giá định kỳ ...)	12	
6	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	20 ngày làm việc	14	
7	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại	15 ngày làm việc	10	
8	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản	07 ngày làm việc (trường hợp cơ sở đã được đánh giá định kỳ ...)	05	
		17 ngày (trường hợp còn	12	

		lại)		
9	Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc thủy sản)	02 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
10	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	20 ngày làm việc	14	
11	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	20 ngày làm việc	14	
12	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	- 05 ngày (cấp mới))	03	
		- 03 ngày (gia hạn)	02	
13	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận	13 ngày làm việc	09	
14	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	08 ngày làm việc	06	
15	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y (Do hết hạn; bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin).	- 15 ngày làm việc đối với trường hợp cấp, cấp lại do giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y hết hạn;	10	
		- 05 ngày làm việc đối với trường hợp giấy chứng nhận VSTY bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên giấy	03	

		chứng nhận VSTY.		
16	Kiểm dịch đối với động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm	03	02	
d)	Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và PTNT (05)			
1	Công nhận làng nghề truyền thống	30	21	
2	Công nhận nghề truyền thống	30	21	
3	Công nhận làng nghề	30	21	
4	Hỗ trợ dự án liên kết	25	17	
5	Bố trí, ổn định dân cư ngoài tỉnh	70	49	
đ)	Lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông lâm sản và thủy sản (03)			
1	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	15	10	
2	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	15	10	
3	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận ATTP vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP)	05	03	
e	Lĩnh vực Lâm nghiệp - Kiểm lâm (16)			
1	Phê duyệt, điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư)	19	13	
2	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển sang mục đích khác	35	24	

3	Nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh	- 47 (trường hợp UBND tỉnh bố trí được đất trồng rừng thay thế);	33;	
		- 67 (trường hợp UBND tỉnh không bố trí được đất trồng rừng thay thế).	47.	
4	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES	05;	03;	
		- < 30 (trường hợp cần kiểm tra thực tế).	21.	
5	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	50	35	
6	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ đối với khu rừng phòng hộ thuộc địa phương quản lý	50	35	
7	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh	40	28	
8	Chuyển loại rừng đối với khu rừng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập	45	31	
9	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	15	10	
10	Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	23	16	
11	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	18	12	
12	Phê duyệt khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	7	05	
13	Xác nhận bảng kê lâm sản	10	07	

14	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	- Thẩm quyền Quốc hội: + 30 (Sở Nông nghiệp và PTNT: 05; VP.UBND tỉnh: 25).	- Thẩm quyền Quốc hội: + 21 (Sở Nông nghiệp và PTNT: 03; UBND tỉnh: 17).	
		- Thẩm quyền của Thủ tướng: + 30 (Sở Nông nghiệp và PTNT: 05; VP.UBND tỉnh: 25).	+ 21 (Sở Nông nghiệp và PTNT: 03; UBND tỉnh: 17).	
		- Thẩm quyền của Hội đồng nhân dân: + 45 (Sở Nông nghiệp và PTNT: 05; VP.UBND tỉnh: 40).	+ 31 (Sở Nông nghiệp và PTNT: 03; UBND tỉnh: 28).	
15	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	- 04 ngày; - 06 ngày (Trường hợp có thông tin vi phạm)	03 04	
16	Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ	01 ngày - 04 ngày (Phải xác minh); - 13 ngày (Nghỉ ngơi cần kiểm tra xác minh)	01 03 09	
f)	Lĩnh vực Nông nghiệp & PTNT (3)			
1	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	60	42	
2	Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	18	12	
3	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	18	12	
g)	Lĩnh vực Thủy sản (08)			
1	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	- Công khai phương án: 03 ngày làm việc;	02	

		- Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng: 60 ngày.	42	
2	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	- Đối với trường hợp thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: Trong thời hạn 07 ngày làm việc;	05	
		- Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: + Công khai phương án: 03 ngày làm việc; + Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng: 60 ngày.	02 42.	
3	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống thủy sản bố mẹ)	- 10 ngày làm việc đối với trường hợp cấp mới;	07	
		- 03 ngày làm việc đối	02	

		với trường hợp cấp lại.		
4	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	- 10 ngày làm việc đối với trường hợp cấp mới;	07;	
		- 03 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại.	02.	
5	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)	10 ngày làm việc.	07	
6	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	07 ngày làm việc.	05	
7	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	- 03 ngày làm việc (đối với xác nhận nguồn gốc);	02	
		- 07 ngày làm việc (đối với xác nhận mẫu vật).	05	
8	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	05 ngày làm việc.	03	
h)	Lĩnh vực Trồng trọt (01)			
1	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính	25	17	
		05	03	
k)	Lĩnh vực Thủy lợi (21)			
1	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình (đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng kiểm tra nhà nước về công tác nghiệm thu công trình xây dựng và cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành)	20	14	
2	Phê duyệt, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi	30	21	

	bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý			
3	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	25	17	
4	Cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi, trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	30	21	
5	Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	15	10	
6	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	15	10	
7	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ của UBND tỉnh.	07	05	
8	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	10	07	
9	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	15	10	
10	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh.	03	02	
11	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia	03	02	

	tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh.			
12	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh	15	10	
13	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh.	10	07	
14	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: Nuôi trồng thủy sản; nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	10	07	
15	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.	30	21	
16	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	15	10	
17	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh	05	03	
18	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh	30	21	
19	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân	15	10	

	dân tỉnh.			
20	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.	20	14	
21	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.	20	14	
l)	Phòng chống thiên tai (02)			
1	Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ	05	03	
2	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh	03	02	
m)	Lĩnh vực Bảo hiểm (02)			
1	Chi trả phí bảo hiểm nông nghiệp được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước	30	21	
2	Chấm dứt việc hưởng hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp và hoàn phí bảo hiểm nông nghiệp	30	21	
n)	Lĩnh vực Quản lý Doanh nghiệp (01)			
1	Phê duyệt đề án sắp xếp, đổi mới công ty lâm nghiệp	- Thẩm định Đề án: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ thẩm định Đề án hợp lệ;	14	
		- Thẩm định Phương án: 20 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ Phương án đầy đủ, đúng quy định;	14	
		- Hoàn thiện Hồ sơ trình Phê duyệt Phương án: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thẩm	07	

		định của Bộ Nông nghiệp và PTNT;		
		- Phê duyệt Đề án: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản phê duyệt Phương án của Thủ tướng Chính phủ.	03	
o)	Lĩnh vực Khoa học công nghệ và môi trường (01)			
1	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành	- 18 ngày (Đối với Hồ sơ không đầy đủ cần yêu cầu bổ sung) - 05 ngày (Đối với hồ sơ đầy đủ theo quy định)	12 03	
X	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG: 26 TTHC			
1	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	- 10 ngày - 20 ngày đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	- 07 ngày - 14 ngày đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	
2	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất.	- 30 ngày - 40 ngày đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	- 07 ngày/21 ngày - 28 ngày đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	

3	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	- 15 ngày - 25 ngày đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	- 10 ngày - 18 ngày đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	
4	Thủ tục đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	- 15 ngày - 25 ngày đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	- 10 ngày - 18 ngày đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	
5	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp			
	+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao được cấp Giấy chứng nhận lần đầu.	- 10 ngày - 20 ngày đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	- 07 ngày - 14 ngày đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	
	+ Sở Tài nguyên và Môi trường đối với các trường hợp đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.	- 10 ngày - 20 ngày đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế	- 07 ngày - 14 ngày đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế	

		- xã hội đặc biệt khó khăn.	- xã hội đặc biệt khó khăn.	
6	Cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	21	15	
7	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ:	16	11	
8	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi:	45	31	
9	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm:	40	28	
10	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm:	35	24	
11	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm:	50	35	
12	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm:	35	24	
13	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2 m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ /ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m ³ /ngày đêm:	50	35	
14	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2 m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ /ngày đêm; Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai	35	24	

	thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m ³ / ngày đêm			
15	Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000 m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác	45	31	
16	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác	35	24	
17	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước	20	14	
18	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	11	8	
19	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh	67	47	
20	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành:	20	14	
21	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	45	31	
22	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	15	10	
23	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	95	65	
24	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	180	120	
25	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản	90	60	
26	Thẩm định và phê duyệt phương án cải tạo phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản	40	28	

XI	SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH: 31 TTHC			
1	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	30 ngày làm việc	21 ngày làm việc	
2	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	30 ngày làm việc	21 ngày làm việc	
3	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích	100 ngày làm việc	70 ngày làm việc	
4	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật	100 ngày làm việc	70 ngày làm việc	
5	Thủ tục cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (do các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu)	15 ngày	10 ngày	
6	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	- 07 ngày - 20 ngày (đối với các công trình tượng đài, tranh hoành tráng phải có ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	- 05 ngày - 14 ngày (đối với các công trình tượng đài, tranh hoành tráng phải có ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	
7	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	- 07 ngày - 15 ngày (đối với trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung	- 05 ngày - 10 ngày (đối với trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp).	

		phức tạp).		
8	Thủ tục cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	- 07 ngày - 15 ngày (đối với trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp).	- 05 ngày - 10 ngày (đối với trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp).	
9	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu trong phạm vi địa phương	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
10	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp tỉnh	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	
11	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp tỉnh	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
12	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
13	Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	
14	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	
15	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	
16	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu cấp tỉnh	45 ngày làm việc	31 ngày làm việc	
17	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND	30 ngày làm việc	21 ngày làm việc	

	cấp tỉnh)			
18	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
19	Thủ tục đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	
20	Thủ tục cấp thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
21	Thủ tục cấp lại thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
22	Thủ tục cấp thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
23	Thủ tục cấp lại thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
24	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	
25	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	
26	Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	
27	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	
28	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	
29	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	

30	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	
31	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	
XII	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO: 63 TTHC			
1	Thành lập trường trung học phổ thông công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông tư thục	25 ngày làm việc	17 ngày làm việc	
2	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động giáo dục	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	
3	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động trở lại	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	
4	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông	25 ngày làm việc	17 ngày làm việc	
5	Giải thể trường trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường trung học phổ thông)	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	
6	Thành lập trường trung cấp sư phạm công lập, cho phép thành lập trường trung cấp sư phạm tư thục	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
7	Sáp nhập, chia, tách trường trung cấp sư phạm	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
8	Giải thể trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường trung cấp sư phạm)	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	
9	Cho phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp trở lại đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	10 ngày làm việc	06 ngày làm việc	
10	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	10 ngày làm việc	06 ngày làm việc	
11	Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	10 ngày làm việc	06 ngày làm việc	
12	Thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm hoặc cho phép thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm tư thục	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
13	Giải thể phân hiệu trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập phân hiệu)	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	

14	Thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	
15	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	
16	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc nội trú	25 ngày làm việc	17 ngày làm việc	
17	Giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường)	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	
18	Thành lập trường trung học phổ thông chuyên công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên tư thục	25 ngày làm việc	17 ngày làm việc	
19	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	
20	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	
21	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông chuyên	25 ngày làm việc	17 ngày làm việc	
22	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	
23	Thành lập, cho phép thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
24	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
25	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục trở lại	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
26	Sáp nhập, chia, tách trung tâm ngoại ngữ, tin học	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
27	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục	20 ngày làm việc	13 ngày làm việc	
28	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động trở lại	20 ngày làm việc	13 ngày làm việc	
29	Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
30	Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	

31	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
32	Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
33	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
34	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	03 tháng và 20 ngày làm việc	70 ngày làm việc	
35	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	03 tháng và 20 ngày làm việc	70 ngày làm việc	
36	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	03 tháng và 20 ngày làm việc	70 ngày làm việc	
37	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên	40 ngày làm việc	28 ngày làm việc	
38	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	03 tháng và 20 ngày làm việc	70 ngày làm việc	
39	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	03 tháng và 20 ngày làm việc	70 ngày làm việc	
40	Công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia	03 tháng và 20 ngày làm việc	70 ngày làm việc	
41	Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên	30 ngày làm việc	20 ngày làm việc	
42	Công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	Từ ngày 05/10 đến 30/12	26/10 đến 30/12	
43	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài (<i>đối với các cơ sở giáo dục trung học phổ thông và trung cấp chuyên nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý</i>)	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	
44	Đăng ký hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt đối với sinh viên học các ngành đào tạo giáo viên tại các đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng được phép đào tạo giáo viên	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	

45	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh	23 ngày làm việc	16 ngày làm việc	
46	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số	23 ngày làm việc	16 ngày làm việc	
47	Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	
		40 ngày làm việc đối với học sinh ngoài học tại cơ sở giáo dục ngoài công lập	28 ngày làm việc	
48	Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	
49	Phê duyệt liên kết giáo dục	40 ngày làm việc	28 ngày làm việc	
50	Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	
		40 ngày làm việc (có điều chỉnh chương trình)	28 ngày làm việc	
51	Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
52	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	45 ngày làm việc	31 ngày làm việc	
53	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	30 ngày làm việc	21 ngày làm việc	
54	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	
55	Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư; cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	

	trường phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận			
56	Cho phép hoạt động giáo dục đối với: Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	
57	Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với: cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	
58	Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với: Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; Cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	
59	Chấm dứt hoạt động cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	30 ngày làm việc	20 ngày làm việc	
60	Đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển	35 ngày làm việc	23 ngày làm việc	
61	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	01 ngày làm việc	Giữ nguyên 01 ngày	
		03 ngày làm việc (đối với trường hợp cấp bản sao từ nhiều hồ sơ gốc)	02 ngày làm việc (đối với trường hợp cấp bản sao từ nhiều hồ sơ gốc)	
62	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	
63	Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	
		45 ngày làm việc (đối với trường hợp phải xác minh thông tin)	30 ngày làm việc (đối với trường hợp phải xác minh thông tin)	
XIII	SỔ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ: 106 TTHC			
a)	Lĩnh vực Đấu thầu (PPP)			
1	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	45 ngày	32 ngày	
2	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	45 ngày	32 ngày	

3	Thẩm định nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	15 ngày	11 ngày	
4	Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	75 ngày	53 ngày	
5	Danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư)	40 ngày	28 ngày	
b)	Đầu tư tại Việt Nam			
	Mục 1. Sở Kế hoạch và Đầu tư			
1	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh	35 ngày	25 ngày	
2	Thủ tục điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh	35 ngày	25 ngày	
3	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	35 ngày	25 ngày	
4	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	35 ngày	25 ngày	
5	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh			
5.1	<i>Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh</i>	03 ngày	02 ngày	
5.2	<i>Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh</i>	10 ngày	07 ngày	
6	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối	35 ngày		

	với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh		25 ngày	
7	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	35 ngày	25 ngày	
8	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	35 ngày	25 ngày	
9	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	35 ngày	25 ngày	
10	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	35 ngày	25 ngày	
11	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh	35 ngày	25 ngày	
12	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	12 ngày	08 ngày	
13	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản	18 ngày	13 ngày	

	4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)			
14	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	18 ngày	13 ngày	
15	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	05 ngày	04 ngày	
16	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	01 ngày	01 ngày	
17	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	15 ngày	11 ngày	
18	Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư			
18.1	<i>Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: 05 ngày.</i>	05 ngày	04 ngày	
18.2	<i>Trường hợp hiệu đính thông tin Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: 03 ngày.</i>	03 ngày	02 ngày	
19	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	03 ngày	02 ngày	
20	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài	15 ngày	11 ngày	
21	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	15 ngày	11 ngày	
22	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	15 ngày	11 ngày	
c)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp			

1	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp	03 ngày	02 ngày	
2	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp	03 ngày	02 ngày	
3	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	03 ngày	02 ngày	
4	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	03 ngày	02 ngày	
5	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	03 ngày	02 ngày	
6	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	03 ngày	02 ngày	
7	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	03 ngày	02 ngày	
8	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	03 ngày	02 ngày	
9	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	03 ngày	02 ngày	
10	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	03 ngày	02 ngày	
11	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	03 ngày	02 ngày	
12	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	03 ngày	02 ngày	
13	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	03 ngày	02 ngày	
14	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	03 ngày	02 ngày	
15	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết	03 ngày	02 ngày	
16	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	03 ngày	02 ngày	
17	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	03 ngày	02 ngày	
18	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty	03 ngày	02 ngày	

	cổ phần chưa niêm yết			
19	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	03 ngày	02 ngày	
20	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế)	03 ngày	02 ngày	
21	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	03 ngày	02 ngày	
22	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	03 ngày	02 ngày	
23	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương	03 ngày	02 ngày	
24	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay thế nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ	03 ngày	02 ngày	

	sở chính			
25	Thông báo lập địa điểm kinh doanh	03 ngày	02 ngày	
26	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	03 ngày	02 ngày	
27	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	03 ngày	02 ngày	
28	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền	03 ngày	02 ngày	
29	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty	03 ngày	02 ngày	
30	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty	03 ngày	02 ngày	
31	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	03 ngày	02 ngày	
32	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	03 ngày	02 ngày	
33	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công	03 ngày	02 ngày	

	ty cổ phần)			
34	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại	03 ngày	02 ngày	
35	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	03 ngày	02 ngày	
36	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	03 ngày	02 ngày	
37	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	03 ngày	02 ngày	
38	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác	03 ngày	02 ngày	
39	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	03 ngày	02 ngày	
40	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	03 ngày	02 ngày	
41	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)	03 ngày	02 ngày	
42	Giải thể doanh nghiệp	05 ngày	2,5 ngày	
43	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	05 ngày	2,5 ngày	
44	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	05 ngày	2,5 ngày	
45	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	03 ngày	02 ngày	
46	Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	03 ngày	02 ngày	
47	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội	03 ngày	02 ngày	

48	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội	03 ngày	02 ngày	
49	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	03 ngày	02 ngày	
50	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và có thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh	03 ngày	02 ngày	
51	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán	03 ngày	02 ngày	
d)	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa			
*	<i>Thành lập và hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo</i>			
1	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	03 ngày	02 ngày	
2	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	03 ngày	02 ngày	
3	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	03 ngày	02 ngày	
4	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	03 ngày	02 ngày	
5	Thông báo chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư	03 ngày	02 ngày	
*	<i>Thủ tục về đề nghị hỗ trợ tư vấn</i>			
6	Thủ tục đề nghị hỗ trợ sử dụng dịch vụ tư vấn	03 ngày	02 ngày	
7	Thủ tục hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp	03 ngày	02 ngày	
đ)	Thành lập và hoạt động của hợp tác xã			

1	Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã	03 ngày	02 ngày	
2	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	03 ngày	02 ngày	
3	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	03 ngày	02 ngày	
4	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	03 ngày	02 ngày	
5	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia	03 ngày	02 ngày	
6	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách	03 ngày	02 ngày	
7	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất	03 ngày	02 ngày	
8	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập	03 ngày	02 ngày	
9	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	03 ngày	02 ngày	
10	Giải thể tự nguyện liên hiệp hợp tác xã	03 ngày	02 ngày	
11	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	03 ngày	02 ngày	
12	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã	03 ngày	02 ngày	
13	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	03 ngày	02 ngày	
14	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	03 ngày	02 ngày	
15	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã	03 ngày	02 ngày	
e)	Lĩnh vực vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài			
1	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại	20 ngày	14 ngày	
2	Lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình,	30 ngày	21 ngày	

	dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng			
3	Xác nhận chuyên gia	15 ngày	11 ngày	
4	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	20 ngày	14 ngày	
5	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	20 ngày	14 ngày	
6	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	07 ngày	05 ngày	
XIV	SỞ TƯ PHÁP: 57 TTHC			
1	Phục hồi danh dự cấp tỉnh	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
2	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
3	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
4	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	
5	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
6	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	
7	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	

8	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
9	Cấp lại Thẻ công chứng viên	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	
10	Xóa đăng ký hành nghề và thu hồi Thẻ công chứng viên trong trường hợp công chứng viên không còn hành nghề tại tổ chức hành nghề công chứng	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	
11	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	Cấp tỉnh
12	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Cấp tỉnh
13	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	Cấp tỉnh
14	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Cấp tỉnh
15	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận chuyển nhượng	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Cấp tỉnh
16	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, danh sách thành viên hợp danh của Văn phòng giám định tư pháp.	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Cấp tỉnh
17	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Cấp tỉnh
18	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	Cấp tỉnh
19	Cấp lại thẻ giám định viên	20 ngày làm việc	15 ngày làm việc	Cấp tỉnh
20	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp	17 ngày làm việc	17 ngày làm việc	Cấp tỉnh
21	Cấp thẻ đấu giá viên	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Cấp tỉnh
22	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	Cấp tỉnh
23	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Cấp tỉnh
24	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Cấp tỉnh

25	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Cấp tỉnh
26	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	Cấp tỉnh
27	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	Cấp tỉnh
28	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	Cấp tỉnh
29	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Cấp tỉnh
30	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Cấp tỉnh
31	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Cấp tỉnh
32	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Cấp tỉnh
33	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	Cấp tỉnh
34	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Cấp tỉnh
35	Hợp nhất công ty luật	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	Cấp tỉnh
36	Sáp nhập công ty luật	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	Cấp tỉnh
37	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, Chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Cấp tỉnh
38	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Cấp tỉnh
39	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Cấp tỉnh
40	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Cấp tỉnh
41	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Cấp tỉnh

42	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Cấp tỉnh
43	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Cấp tỉnh
44	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Cấp tỉnh
45	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Cấp tỉnh
46	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Cấp tỉnh
47	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Cấp tỉnh
48	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Cấp tỉnh
49	Đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Cấp tỉnh
50	Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa phát lại	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Cấp tỉnh
51	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa phát lại	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	Cấp tỉnh
52	Cấp lại Thẻ Thừa phát lại	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Cấp tỉnh
53	Đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	Cấp tỉnh
54	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	Cấp tỉnh
55	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Cấp tỉnh
56	Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Cấp tỉnh
57	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Cấp tỉnh
XV	SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI: 56 TTHC			
a)	Lĩnh vực An toàn Lao động			
1	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ,	- Đối với trường hợp gia hạn, sửa đổi, bổ sung: 25 ngày	- Đối với trường hợp gia hạn, sửa đổi, bổ sung: 18 ngày	

	ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn vệ sinh lao động hạng B (trừ các tổ chức tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)	- Đối với trường hợp cấp lại: 10 ngày	- Đối với trường hợp cấp lại: 07 ngày	
2	Thủ tục giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động	10	7	
b)	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội			
1	Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	15	11	
2	Thủ tục giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	15	11	
3	Thủ tục cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội cấp	15	11	
4	Thủ tục Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	15	11	
5	Thủ tục Gia hạn quyết định công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh có từ 30% lao động trở lên là người khuyết tật	10	7	
c)	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp			
1	Thủ tục thành lập hội đồng trường, bổ nhiệm chủ tịch và các thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực	15	11	

	thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh			
2	Thủ tục miễn nhiệm chủ tịch và các thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh	15	11	
3	Thủ tục cách chức chủ tịch và các thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh	15	11	
4	Thủ tục thành lập hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở	15	11	
5	Thủ tục miễn nhiệm chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở, Ủy ban nhân dân huyện	15	11	
6	Thủ tục cách chức chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở, Ủy ban nhân dân huyện	15	11	
7	Thủ tục thành lập hội đồng quản trị Trường Trung cấp tư thực	15	11	
8	Thủ tục công nhận hiệu trưởng Trường Trung cấp tư thực	20	14	
9	Thủ tục Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh	10	07	
10	Thủ tục Giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh	20	14	
11	Thủ tục Chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh	20	14	
12	Thủ tục Đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường	05	04	

	trung cấp công lập trực thuộc tỉnh và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh			
13	Thủ tục Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	20	14	
14	Thủ tục Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	05	04	
15	Thủ tục Cho phép hoạt động liên kết đào tạo trở lại đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp	30	21	
16	Thủ tục Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	20	14	
17	Thủ tục Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục, trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận	20	14	
18	Thủ tục Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận	28	20	
19	Thủ tục Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	10	07	
20	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp	15	11	
21	Thủ tục cho phép thành lập phân hiệu của Trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	10	07	
22	Thủ tục xét, cấp học bổng, chính sách	07	05	
d)	Lĩnh vực Lao động nước ngoài			
1	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài	- 60 (trên 500 lao động) - 30 (100 – 500 lao động)	- 42 (trên 500 lao động) - 21 (100 – 500 lao động)	

		- 15 (dưới 100 lao động)	- 10 (dưới 100 lao động)	
2	Thủ tục đề nghị tất toán tài khoản ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi thực tập nâng cao tay nghề dưới 90 ngày	07	05	
đ)	Lĩnh vực Người có công			
1	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là người hưởng chế độ mất sức lao động	15	11	
2	Thủ tục hưởng lại chế độ ưu đãi đối với người có công hoặc thân nhân trong các trường hợp: - Bị tạm đình chỉ chế độ do bị kết án tù đã chấp hành xong hình phạt tù; - Bị tạm đình chỉ do xuất cảnh trái phép nay trở về nước cư trú; - Đã đi khỏi địa phương nhưng không làm thủ tục di chuyển hồ sơ nay quay lại đề nghị tiếp tục hưởng chế độ; - Bị tạm đình chỉ chế độ chờ xác minh của cơ quan điều tra	10	07	
3	Thủ tục giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	20	14	
4	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là bệnh binh	15	11	
5	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	31	21	
e)	Lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội			
1	Thủ tục Cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	22	14	
2	Thủ tục Cấp lại giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	14	10	
3	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	14	10	
4	Thủ tục Gia hạn giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	14	10	
5	Thủ tục Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn	25	17	

	nhân			
f)	Lĩnh vực Lao động – Tiền lương, BHXH			
1	Thủ tục Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	07	05	
2	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	27	19	
3	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	22	14	
4	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	22-27	14-19	
5	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	17	12	
6	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	10	7	
7	Thành lập hội đồng thương lượng tập thể	20	14	
g)	Lĩnh vực trẻ em			
1	Thủ tục chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	15	11	
h)	Lĩnh vực việc làm			
1	Thủ tục Giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động	30	21	
2	Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	07	05	
3	Gia hạn Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.	05	04	
4	Cấp lại Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	5-8	4-6	
5	Thủ tục Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày	10	07	
6	Thủ tục Đăng ký hợp đồng cá nhân	05	04	
7	Thủ tục rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	07	05	
XVI	SỞ NỘI VỤ: 12 TTHC			
1	Thủ tục thành lập tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh	15 ngày	10 ngày	
2	Thủ tục Giải thể tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh	15 ngày	10 ngày	

3	Thủ tục xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong ở cấp tỉnh	45 ngày	30 ngày	
4	Thủ tục công nhận Ban vận động thành lập Hội	30 ngày	21 ngày	
5	Thủ tục cho phép Hội đặt văn phòng đại diện	15 ngày	10 ngày	
6	Thủ tục đổi tên Hội	30 ngày	21 ngày	
7	Thủ tục hành chính thành lập thôn mới, tổ dân phố mới	15 ngày	10 ngày	
8	Thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên	15 ngày	10 ngày	
9	Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên hoạt động giáo dục trở lại	15 ngày	10 ngày	
10	Sáp nhập, chia tách trung tâm giáo dục thường xuyên	15 ngày	10 ngày	
11	Thủ tục công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ	15 ngày	10 ngày	
12	Thủ tục thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ	30 ngày	21 ngày	

Phụ lục 02

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN CẮT GIẢM 30% THỜI GIAN GIẢI QUYẾT SO VỚI
QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÒA BÌNH**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình).

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 30%	Ghi chú
	TỔNG SỐ: 133			
I	LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG: 04 TTHC			
1	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15	10	
2	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15	10	
3	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15	10	
4	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	10	7	
II	LĨNH VỰC TÀI CHÍNH: 02 TTHC			
1	Mua quyền hóa đơn	5	3,5	Cấp huyện
2	Mua hóa đơn lẻ	5	3,5	Cấp huyện
III	LĨNH VỰC XÂY DỰNG: 10 TTHC			
a)	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật			
1	Thủ tục cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định	10,5 ngày	Cấp huyện
b)	Lĩnh vực quy hoạch kiến trúc			
2	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	14 ngày	Cấp huyện
3	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của	25 ngày, kể từ ngày nhận	17 ngày	Cấp huyện

	dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	được đầy đủ hồ sơ theo quy định		
4	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	20 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định	14 ngày	Cấp huyện
5	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	20 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định	14 ngày	Cấp huyện
6	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	20 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định	14 ngày	Cấp huyện
7	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	20 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định	14 ngày	Cấp huyện
8	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	20 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định	14 ngày	Cấp huyện

9	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	05 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định	3,5 ngày	Cấp huyện
c)	Lĩnh vực quy hoạch xây dựng			
10	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	10,5 ngày	Cấp huyện
IV	LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI: 04 TTHC			
1	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố trong khu vực đô thị không vì mục đích giao thông trên địa bàn tỉnh Hòa Bình	10 ngày	07 ngày	Cấp huyện
2	Đề nghị gia hạn cấp phép sử dụng lòng đường, hè phố trong khu vực đô thị không vì mục đích giao thông trên địa bàn tỉnh Hòa Bình	10 ngày	07 ngày	Cấp huyện
3	Cấp phép khoan, đào lòng đường, hè phố để thi công công trình trong khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh Hòa Bình	10 ngày	07 ngày	Cấp huyện
4	Đề nghị gia hạn cấp phép khoan, đào lòng đường, hè phố để thi công công trình trong khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh Hòa Bình	10 ngày	07 ngày	Cấp huyện
V	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT: 14 TTHC			
a)	Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và PTNT (03)			
1	Bố trí, ổn định dân cư trong huyện	30	21	
2	Bố trí, ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh	60	42	
3	Hỗ trợ dự án liên kết	25	17	
b)	Lĩnh vực Lâm nghiệp - Kiểm lâm (03)			
1	Phê duyệt, điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh	19	13	

	(đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư)			
2	Xác nhận bảng kê lâm sản	10	7	
3	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	- 04 ngày - 06 ngày (Trường hợp có thông tin vi phạm)	03 04	
c)	Lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT (01)			
1	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	60	42	
d)	Lĩnh vực Thủy lợi (05)			
1	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện	30	21	
2	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện.	15	10	
3	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạn du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên).	20	14	
4	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên).	20	14	
5	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp.	30	21	
đ)	Lĩnh vực Thủy sản (02)			
1	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	- Công khai phương án: 03 ngày làm việc;	02;	
		- Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản	42.	

		lý cho tổ chức cộng: 60 ngày.		
2	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	07 ngày: (Đối với trường hợp thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng)	05;	
		- Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: + Công khai phương án: 03 ngày làm việc; + Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng: 60 ngày.	02; 42.	
VI	LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH: 06			
1	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp huyện	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	Cấp huyện
2	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp huyện	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Cấp huyện
3	Thủ tục thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Cấp huyện

4	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	30 ngày làm việc	21 ngày làm việc	Cấp huyện
5	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Cấp huyện
6	Thủ tục đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	Cấp huyện
VII	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO: 34 TTHC			
1	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục	25 ngày làm việc	17 ngày làm việc	Cấp huyện
2	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	Cấp huyện
3	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	Cấp huyện
4	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	Cấp huyện
5	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	Cấp huyện
6	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	Cấp huyện
7	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	Cấp huyện
8	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	Cấp huyện
9	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	Cấp huyện
10	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân)	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	Cấp huyện

	đề nghị thành lập trường tiểu học)			
11	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	09 ngày làm việc	06 ngày làm việc	Cấp huyện
12	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục	25 ngày làm việc	17 ngày làm việc	Cấp huyện
13	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	Cấp huyện
14	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	Cấp huyện
15	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở	25 ngày làm việc	17 ngày làm việc	Cấp huyện
16	Giải thể trường trung học cơ sở (<i>theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường</i>)	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	Cấp huyện
17	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	Cấp huyện
18	Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú	35 ngày làm việc	25 ngày làm việc	Cấp huyện
19	Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	Cấp huyện
20	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú	25 ngày làm việc	18 ngày làm việc	Cấp huyện
21	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Cấp huyện
22	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Cấp huyện
23	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài (<i>các trường tiểu học, trung học cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý</i>)	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	Cấp huyện
24	Xác nhận đăng ký hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (<i>đối với nhà trẻ, nhóm trẻ; trường, lớp mẫu giáo, trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp cao nhất là trung học cơ sở, phổ thông dân tộc bán trú và trung tâm học tập cộng đồng</i>)	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Cấp huyện
25	Quy trình đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Cấp huyện

26	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	Cấp huyện
27	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	Cấp huyện
28	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn	23 ngày làm việc	16 ngày làm việc	Cấp huyện
29	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	Cấp huyện
		40 ngày làm việc (Đối với các cơ sở giáo dục ngoài công lập)	28 ngày làm việc (Đối với các cơ sở giáo dục ngoài công lập)	Cấp huyện
30	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	24 ngày làm việc	16 ngày làm việc	Cấp huyện
31	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	24 ngày làm việc	16 ngày làm việc	Cấp huyện
32	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	24 ngày làm việc	16 ngày làm việc	Cấp huyện
33	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	01 ngày làm việc	Giữ nguyên 01 ngày làm việc	Cấp huyện
		03 ngày làm việc (đối với trường hợp cấp bản sao	02 ngày làm việc (đối với trường hợp cấp bản sao	Cấp huyện

		<i>từ nhiều hồ sơ gốc)</i>	<i>từ nhiều hồ sơ gốc)</i>	
34	Chỉnh sửa nội dung văn bản, chứng chỉ	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Cấp huyện
VIII	LĨNH VỰC KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ: 21 TTHC			
a)	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của Hợp tác xã			
1	Đăng ký thành lập hợp tác xã	03 ngày	02 ngày	
2	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	03 ngày	02 ngày	
3	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	03 ngày	02 ngày	
4	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	03 ngày	02 ngày	
5	Đăng ký khi hợp tác xã chia	03 ngày	02 ngày	
6	Đăng ký khi hợp tác xã tách	03 ngày	02 ngày	
7	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	03 ngày	02 ngày	
8	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	03 ngày	02 ngày	
9	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	03 ngày	02 ngày	
10	Giải thể tự nguyện hợp tác xã	03 ngày	02 ngày	
11	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	03 ngày	02 ngày	
12	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	03 ngày	02 ngày	
13	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	03 ngày	02 ngày	
14	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	03 ngày	02 ngày	
15	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	03 ngày	02 ngày	
16	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	03 ngày	02 ngày	
b)	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của Hộ kinh doanh			

1	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	03 ngày	02 ngày	
2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	03 ngày	02 ngày	
3	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	03 ngày	02 ngày	
4	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	03 ngày	02 ngày	
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	03 ngày	02 ngày	
IX	LĨNH VỰC TƯ PHÁP: 14 TTHC			
1	Phục hồi danh dự cấp huyện	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Cấp huyện
2	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	15 ngày	10 ngày	Cấp huyện
3	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài (trường hợp cần xác minh)	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	Cấp huyện
4	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	15 ngày	10 ngày	Cấp huyện
5	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	15 ngày	10 ngày	Cấp huyện
6	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài (đối với việc đăng ký giám hộ cũ)	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Cấp huyện
7	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc (đối với việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc)	03 ngày làm việc, trường hợp cần phải xác minh không quá 06 ngày làm việc	02 ngày làm việc, trường hợp cần phải xác minh không quá 04 ngày làm việc	Cấp huyện
8	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	12 ngày	08 ngày	Cấp huyện
9	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	12 ngày	08 ngày	Cấp huyện
10	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; khai tử; thay đổi hộ tịch) (trường hợp phải xác minh).	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	Cấp huyện
11	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài (trường hợp phải có văn bản xác minh)	25 ngày	16 ngày	Cấp huyện
12	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân (trường hợp phải xác minh)	25 ngày	16 ngày	Cấp huyện

13	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài (trường hợp phải xác minh)	25 ngày	16 ngày	Cấp huyện
14	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài (trường hợp phải xác minh)	10 ngày	07 ngày	Cấp huyện
X	LĨNH VỰC LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI: 05 TTHC			
a)	Lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội			
1	Thủ tục Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	11	07	
b)	Lĩnh vực lao động, tiền lương, quan hệ lao động			
1	Thủ tục Giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền.	05	04	
c)	Lĩnh vực trẻ em			
2	Thủ tục chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	15	11	
d)	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp			
1	Thành lập hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện	15	11	
2	Thủ tục xét, cấp học bổng, chính sách	07	05	
XI	LĨNH VỰC NỘI VỤ: 19 TTHC			
1	Thủ tục thẩm định việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập	15 ngày	10 ngày	
2	Thủ tục thẩm định việc tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập	15 ngày	10 ngày	
3	Thẩm định việc giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	15 ngày	10 ngày	
4	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội	30 ngày	21 ngày	
5	Thủ tục thành lập hội	30 ngày	21 ngày	
6	Thủ tục phê duyệt điều lệ hội	30 ngày	21 ngày	
7	Thủ tục đổi tên hội	30 ngày	21 ngày	
8	Thủ tục hội tự giải thể	30 ngày	21 ngày	
9	Thủ tục công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ	30 ngày	21 ngày	
10	Thủ tục thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ	30 ngày	21 ngày	

	(sửa đổi, bổ sung) quỹ			
11	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	30 ngày	21 ngày	
12	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	30 ngày	21 ngày	
13	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đột xuất	20 ngày	14 ngày	
14	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	20 ngày	14 ngày	
15	Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến	20 ngày	14 ngày	
16	Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở	20 ngày	14 ngày	
17	Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	20 ngày	14 ngày	
18	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề	20 ngày	14 ngày	
19	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đột xuất	20 ngày	14 ngày	

Phụ lục 3
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP XÃ
CẮT GIẢM 30% THỜI GIAN GIẢI QUYẾT SO VỚI QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÒA BÌNH

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình).

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 30%	Ghi chú
	TỔNG SỐ: 42 TTHC			
I	LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG: 02 TTHC			
1	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	20	14	
2	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	20	14	
II	LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI: 02 TTHC			
1	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố trong khu vực đô thị không vì mục đích giao thông trên địa bàn tỉnh Hòa Bình	10 ngày	07 ngày	Cấp xã
2	Đề nghị gia hạn cấp phép sử dụng lòng đường, hè phố trong khu vực đô thị không vì mục đích giao thông trên địa bàn tỉnh Hòa Bình	10 ngày	07 ngày	Cấp xã
III	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT: 10 TTHC			
a)	Lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT (2)			
1	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	60	42	
2	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	05	03	

b)	Lĩnh vực Thủy lợi (03)			
1	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạn du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã.	20	14	
2	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã.	20	14	
3	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện).	07	05	
c)	Phòng chống thiên tai (03)			
1	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	07	05	
2	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh			
3	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	15	11	
d)	Lĩnh vực Bảo hiểm (01)			
1	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	45	31	
đ)	Lĩnh vực Khoa học công nghệ và môi trường (01)			
1	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	03	02	
IV	LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH: 03 TTHC			
1	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Cấp xã
2	Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Cấp xã
3	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Cấp xã
V	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO: 04 TTHC			
1	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	Cấp xã

	dục tiểu học			
2	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	Cấp xã
3	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	Cấp xã
4	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	Cấp xã
VI	LĨNH VỰC KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ: 03 TTHC			
1	Thông báo thành lập tổ hợp tác	03 ngày	02 ngày	
2	Thông báo thay đổi tổ hợp tác	03 ngày	02 ngày	
3	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	03 ngày	02 ngày	
VII	LĨNH VỰC TƯ PHÁP: 16 TTHC			
1	Đăng ký kết hôn (trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ)	Không quá 05 ngày làm việc	Không quá 03 ngày làm việc	Cấp xã
2	Đăng ký nhận cha, mẹ, con (trường hợp cần phải xác minh)	Không quá 08 ngày làm việc	Không quá 06 ngày làm việc	Cấp xã
3	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con (trường hợp phải xác minh)	Không quá 08 ngày làm việc	Không quá 06 ngày làm việc	Cấp xã
4	Đăng ký khai sinh lưu động	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Cấp xã
5	Đăng ký kết hôn lưu động	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Cấp xã
6	Đăng ký khai tử lưu động	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Cấp xã
7	Đăng ký giám hộ	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	Cấp xã
8	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch (đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch)	03 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc	02 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 04 ngày làm việc	Cấp xã
9	Đăng ký lại khai sinh (trường hợp phải xác minh)	Không quá 25 ngày	Không quá 16 ngày	Cấp xã
10	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân (trường hợp phải xác minh)	Không quá 25 ngày	Không quá 16 ngày	Cấp xã
11	Đăng ký lại kết hôn (trường hợp phải xác minh)	Không quá 25 ngày	Không quá 16 ngày	Cấp xã
12	Đăng ký lại khai tử (trường hợp phải xác minh)	Không quá 10 ngày làm việc	Không quá 07 ngày làm việc	Cấp xã
13	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (trường hợp phải xác minh)	Không quá 23 ngày	Không quá 15 ngày	Cấp xã
14	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải	Không quá 03 ngày	Không quá 02 ngày	Cấp xã

	quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (trường hợp phải xác minh)			
15	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	30 ngày	20 ngày	Cấp xã
16	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Cấp xã
VIII	LĨNH VỰC QUÂN SỰ: 02 TTHC			
1	Giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc	- 61 ngày làm việc + Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã: 07 ngày làm việc. + Đối với Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện: 07 ngày làm việc + Đối với Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh: 07 ngày làm việc + Bộ Tư lệnh quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội: 10 ngày làm việc + Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng: 30 ngày làm việc	- 55 ngày làm việc + Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã: 05 ngày làm việc. + Đối với Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện: 05 ngày làm việc + Đối với Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh: Không quá 05 ngày làm việc + Bộ Tư lệnh quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội: 10 ngày làm việc + Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng: 30 ngày làm việc	- Cấp xã - Ban CHQS huyện - Bộ CHQS tỉnh
2	Giải quyết chế độ trợ cấp 1 lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc (đối tượng từ trần)	- 61 ngày làm việc + Đối với UBND cấp xã: 07 ngày làm việc. + Đối với Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện: 07 ngày làm việc + Đối với Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh: Không quá 07 ngày làm việc + Bộ Tư lệnh quân khu,	- 55 ngày làm việc + Đối với UBND cấp xã: 05 ngày làm việc. + Đối với Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện: 05 ngày làm việc + Đối với Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh: Không quá 05 ngày làm việc + Bộ Tư lệnh quân khu,	- Cấp xã - Ban CHQS huyện - Bộ CHQS tỉnh

		BTL Thủ đô Hà Nội: 10 ngày làm việc + Bảo hiểm xã hội, Bộ Quốc phòng: 30 ngày làm việc.	BTL Thủ đô Hà Nội: 10 ngày làm việc + Bảo hiểm xã hội, Bộ Quốc phòng: 30 ngày làm việc.	
IX	LĨNH VỰC NỘI VỤ: 11 TTHC			
1	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng	15 ngày	10 ngày	
2	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	15 ngày	10 ngày	
3	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	20 ngày	14 ngày	
4	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	15 ngày	10 ngày	
5	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	15 ngày	10 ngày	
6	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	20 ngày	14 ngày	
7	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị	20 ngày	14 ngày	
8	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề	20 ngày	14 ngày	
9	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất	20 ngày	14 ngày	
10	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình	20 ngày	14 ngày	
11	Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	20 ngày	14 ngày	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

